

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13-02-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Mậu.

2. Ông Phạm Thành Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thanh An, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 315/2024/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2024, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2024/QĐXX-HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1975; cư trú tại thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Á, sinh năm 1976; cư trú tại thôn K, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: Bà và ông Nguyễn Á kết hôn vào ngày 15 tháng 12 năm 1999 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Trước khi kết hôn giữa bà và ông Á có tìm hiểu rồi tự nguyện đăng ký kết hôn chứ không ai ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng bà sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc giữa bà và ông Á không còn phù hợp với nhau về tính cách, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay bà và ông Á không còn sống chung với nhau. Nay bà và ông Á không còn tình cảm gì với nhau nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Anh .

Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà có 02 người con chung là Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 01 tháng 5 năm 1998 và Nguyễn Huy H1, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2005. Hiện nay các con của bà đều đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của vợ chồng bà. Hiện nay bà và ông Á không phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản đối với ai khác. Ngoài ra bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định đã tiến hành tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn ông Nguyễn Á tham gia tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Nguyễn Á không có mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T; cho bà Trần Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Anh . Hiện nay các con chung của bà Trần Thị T và ông Nguyễn Á đều đã thành niên và bà T không yêu cầu gì về con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Á không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nguyên đơn bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp về “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm thụ lý vụ án và hiện nay bị

đơn ông Nguyễn Anh cư T1 tại thôn K, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Do đó theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn A đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Anh .

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn A kết hôn vào ngày 15 tháng 12 năm 1999 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển số 01. Việc kết hôn giữa bà T và ông A tuân theo các điều kiện quy định tại Điều 5, Điều 6 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 nên hôn nhân giữa bà T và ông A là hợp pháp. Bà Trần Thị T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn A vì cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng bà T sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc giữa bà T và ông A không còn phù hợp với nhau về tính cách, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay bà T và ông A không còn sống chung với nhau. Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà T và ông A để tiến hành hòa giải, nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng bà T và ông A, nhưng ông A không đến Tòa để tham gia hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông A tiếp tục vắng mặt. Do đó, có đủ căn cứ chứng minh hôn nhân giữa bà T và ông A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét cho bà T được ly hôn với ông A.

[3.2] Về con chung: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn A có 02 người con chung là chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 01 tháng 5 năm 1998 và anh Nguyễn Huy H1, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2005. Hiện nay các con của bà T và ông A đều đã thành niên; không ai yêu cầu Tòa án giải quyết con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.3] Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn A đều không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà

Trần Thị T phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước.

[5] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T.

2. Về quan hệ hôn nhân:

2.1. Cho bà Trần Thị T ly hôn với ông Nguyễn Ảnh .

2.2. Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Ắ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định chứng nhận ngày 15 tháng 12 năm 1999 chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

3. Về con chung: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Ắ có 02 người con chung là chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 01 tháng 5 năm 1998 và anh Nguyễn Huy H1, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2005. Hiện nay các con chung của bà T và ông Ắ đều đã thành niên; không ai yêu cầu Tòa án giải quyết con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Ắ không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị T phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà Trần Thị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số 0002801 ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 13 tháng 02 năm 2025). Bị đơn ông Nguyễn Á vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- UBND xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Công Minh